

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp hóa chất xét nghiệm và vật tư cho Khoa Vi sinh năm 2024-2025
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 22/4/2024
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược- Kho Hóa chất xét nghiệm, Tầng B1, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Hồng Nga

Số điện thoại: 028 3952 5876

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, KD (B03-059-nhnga) (3).



TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG KHOA DƯỢC
BỆNH VIỆN
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
TP. HỒ CHÍ MINH
Đặng Nguyễn Đoàn Trang

PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 1.257./BVDHYD-KD, ngày 09... tháng 04 năm 2024)

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chai cấy máu Dành cho trẻ em	Chai cấy máu Dành cho trẻ em, dùng để phát hiện nhiễm trùng máu do các tác nhân vi sinh vật (vi khuẩn và nấm), dành cho trẻ em, Loại bệnh phẩm: Máu Thành phần: 30-40ml môi trường dinh dưỡng (tối thiểu gồm Peptone/Casein Digest, cao nấm men, hemin, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), nước tinh khiết, CO₂) và chất trung hòa kháng sinh (resin hoặc hạt polymer hấp phụ hoặc tương đương), Chất liệu chai: Nhựa hoặc vật liệu không vỡ. Thể tích mẫu: 3-4mL. Có thể sử dụng trên các hệ thống máy tự động. Chỉ tiêu chất lượng: Có khả năng phát hiện tối thiểu các vi sinh vật sau trong < 73 giờ: Haemophilus influenzae, Streptococcus pneumoniae, Staphylococcus aureus, Escherichia coli, Candida albican. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	Chai	550
2	Chai cấy máu Hiếu khí	Chai cấy máu Hiếu khí, dùng để phát hiện nhiễm trùng máu do các tác nhân vi sinh vật (vi khuẩn hiếu khí và nấm),Loại bệnh phẩm: Máu. Thành phần: 30-40ml môi trường dinh dưỡng (tối thiểu gồm Peptone/Casein Digest, cao nấm men, axit amin, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), nước tinh khiết, CO₂) và chất trung hòa kháng sinh (resin hoặc hạt polymer hấp phụ hoặc tương đương), Chất liệu chai: Nhựa hoặc vật liệu không vỡ. Thể tích mẫu: 8-10mL. Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động. Chỉ tiêu chất lượng: Có khả năng phát hiện tối thiểu các vi sinh vật sau trong < 73 giờ: Haemophilus influenzae, Streptococcus pneumoniae, Staphylococcus aureus, Escherichia coli, Candida spp.Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Chai	12.500
3	Chai cấy máu Kỵ khí	Chai cấy máu Kỵ khí, dùng để phát hiện nhiễm trùng máu do các tác nhân vi khuẩn kỵ khí, Loại bệnh phẩm: Máu Thành phần: 30-40ml môi trường dinh dưỡng (tối thiểu gồm Peptone/Casein Digest, cao nấm men, hemin, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), nước tinh khiết, CO₂, N₂, chất trung hòa kháng sinh (resin hoặc hạt polymer hấp phụ hoặc tương đương), Chất liệu chai: Nhựa hoặc vật liệu không vỡ. Thể tích mẫu: 8-10mL. Có thể sử dụng trên các hệ thống máy tự động. Chỉ tiêu chất lượng: Có khả năng phát hiện tối thiểu các vi sinh vật sau trong < 73 giờ: Clostridium perfringens, Bacteroides fragilis, Streptococcus pneumoniae, Escherichia coli, Staphylococcus aureus Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Chai	10.100
4	Chai cấy máu Tìm nấm	Chai cấy máu Tìm nấm, dùng để phát hiện nhiễm trùng máu do các tác nhân nấm men và nấm sợi, Loại bệnh phẩm: Máu, Thành phần: 30-40ml môi trường dinh dưỡng (tối thiểu gồm Peptone/Casein Digest, cao nấm men, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), Chloramphenicol, Tobramycin,	Chai	1.250

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		nước tinh khiết, CO2) Thể tích mẫu: 8-10mL. Có thể sử dụng trên các hệ thống máy tự động. Chỉ tiêu chất lượng: Có khả năng phát hiện tối thiểu các vi sinh vật sau trong < 73 giờ: <i>Candida albicans</i> , <i>Candida krusei</i> , <i>Candida tropicalis</i> , <i>Candida parapsilosis</i> , <i>Cryptococcus neoformans</i> Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương		
5	Chai cấy máu Tìm nấm và vi khuẩn lao	Chai cấy máu Tìm nấm và vi khuẩn lao, dùng để phát hiện nhiễm trùng máu do các tác nhân nấm men, nấm sợi và lao, Loại bệnh phẩm: Máu và các loại dịch cơ thể vô trùng. Thành phần: 30-40ml môi trường dinh dưỡng cần thiết. Thể tích mẫu: 3-5mL. Có thể sử dụng trên các hệ thống máy tự động. Chỉ tiêu chất lượng: Có khả năng phát hiện tối thiểu các vi sinh vật sau: <i>Candida spp</i> , <i>Cryptococcus neoformans</i> , <i>Mycobacterium spp</i> Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Chai	100
6	Bộ định danh Streptococci nhóm B bằng kỹ thuật Latex	Bộ định danh Streptococci nhóm B bằng kỹ thuật Latex, Dùng để định danh nhanh Streptococci nhóm B (<i>Streptococcus agalactiae</i>) bằng kỹ thuật Latex. Thành phần tối thiểu gồm: hạt nhạy cảm với thảng thể thỏ, đặc hiệu với nhóm Strepto B và thuốc thử có Enzym Extraction, Chứng dương: Kháng nguyên đa giá bất hoạt của Strepto nhóm B, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	400
7	Dầu soi kính	Dầu soi kính, dùng để soi kính hiển vi, đóng gói: < 2500 mL/Lọ, thành phần tối thiểu gồm: Dung dịch dầu, lỏng, nhớt, trong suốt. Chỉ số khúc xạ khoảng 1,5 (gắn với thủy tinh), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	mL	5.000
8	Dung dịch làm tan đàm	Dung dịch làm tan đàm, dùng để hòa tan vào mẫu đàm trong các kỹ thuật cấy đàm định lượng, Đóng gói: < 11 mL/Lọ. Thành phần tối thiểu gồm: Sodium chloride, Postadium chloride, Di-Sodium hydrogen phosphate, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	mL	3.600
9	Hóa chất làm tan đàm NALC	hóa chất làm tan đàm NALC, dùng để làm tan đàm, tiêu chất nhầy. dạng bột. thành phần tối thiểu gồm: N-Acetyl-L-cysteine (C5H9NO3S), tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	mL	400
10	Hóa chất xét nghiệm PYR	hóa chất xét nghiệm PYR, dùng để xác định nhanh chóng <i>Streptococcus pyogenes</i> và <i>Streptococcus</i> nhóm D trên cơ sở thủy phân enzym L pyrrolidonyl-β-naphthylamide (PYR). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	1.100
11	Huyết tương thô đông khô	Huyết tương thô đông khô, dùng để thực hiện thử nghiệm coagulase để định danh <i>Staphylococcus aureus</i> Dạng bột. Thành phần tối thiểu gồm: Huyết tương thô đông khô, EDTA tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Ông	120

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		đương		
12	Que chỉ thị kỵ khí	que chỉ thị kỵ khí, dùng để chỉ thị kỵ khí trường kỵ khí, sẽ đổi màu khi không có mặt oxy, Thành phần tối thiểu gồm: Chất chỉ thị khô, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	800
13	Test nhanh xét nghiệm Mycobacterium tuberculosis complex	Test xét nghiệm sắc ký miễn dịch phát hiện định tính kháng nguyên của nhóm vi khuẩn Mycobacterium tuberculosis complex Thành phần: tối thiểu gồm thanh thử chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu với Mycobacterium tuberculosis complex và chứng chứa kháng thể kháng loài; đóng gói từng cái Mẫu thử: Mẫu cấy MGIT dương tính AFB Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	600
14	Đĩa kháng nấm - đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Caspofungin, nồng độ: 5µg	Đĩa kháng nấm - đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi nấm, kháng sinh: Caspofungin, nồng độ: 5µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	750
15	Đĩa kháng nấm - đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Fluconazole, nồng độ: 25µg	Đĩa kháng nấm - đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi nấm, kháng sinh: Fluconazole, nồng độ: 25µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	750
16	Đĩa kháng nấm - đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Voriconazole, nồng độ: 1µg	Đĩa kháng nấm - đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi nấm, kháng sinh: Voriconazole, nồng độ: 1µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	750
17	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Amikacin, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Amikacin, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	10.500
18	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Amoxicillin/Axit Clavulanic 2/1, nồng độ: 20/10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Amoxicillin/Axit Clavulanic 2/1, nồng độ: 20/10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	500
19	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Ampicillin, nồng độ: 10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Ampicillin, nồng độ: 10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	3.000
20	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Ampicillin/Sulbactam, nồng độ: 10/10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Ampicillin/Sulbactam, nồng độ: 10/10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	8.750
21	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Azithromycin, nồng độ: 15µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Azithromycin, nồng độ: 15µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	250
22	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Cefepime, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Cefepime, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	9.500
23	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Cefoperazone/sulbactam, nồng độ: 75µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Cefoperazone/sulbactam, nồng độ: 75µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	6.000
24	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Cefotaxim, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Cefotaxim, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	18.500
25	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Cefotaxim/Clavulanic	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Cefotaxim/Clavulanic acid, nồng độ: 30/10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc	Đĩa	16.250

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	acid, nồng độ: 30/10µg	tương đương		
26	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Cefoxitin, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Cefoxitin, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	16.250
27	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Cefprozidime, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Cefprozidime, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	16.500
28	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Cefprozidime/Avibactam, nồng độ: 30/20 µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Cefprozidime/Avibactam, nồng độ: 30/20 µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	750
29	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Cefprozidime/Clavulanic acid, nồng độ: 30/10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Cefprozidime/Clavulanic acid, nồng độ: 30/10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	17.000
30	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Cefprozidime/Tazobactam, nồng độ: 30/10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Cefprozidime/Tazobactam, nồng độ: 30/10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	750
31	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Ceftriaxone, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Ceftriaxone, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	10.000
32	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Ciprofloxacin, nồng độ: 5µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Ciprofloxacin, nồng độ: 5µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	9.500
33	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Clindamycin, nồng độ: 2µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Clindamycin, nồng độ: 2µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	3.000
34	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Colistin, nồng độ: 10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Colistin, nồng độ: 10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	11.500
35	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Doxycycline, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Doxycycline, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	3.000
36	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Ertapenem, nồng độ: 10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Ertapenem, nồng độ: 10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	9.000
37	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Erythromycin, nồng độ: 15µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Erythromycin, nồng độ: 15µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	3.000
38	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Fosfomycin G6P, nồng độ: 200/50 µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Fosfomycin G6P, nồng độ: 200/50 µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	3.000
39	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Gentamicin, nồng độ: 10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Gentamicin, nồng độ: 10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	11.500
40	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Imipenem, nồng độ: 10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Imipenem, nồng độ: 10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	9.000
41	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Levofloxacin, nồng độ: 5µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Levofloxacin, nồng độ: 5µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	12.000
42	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Linezolid, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Linezolid, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn	Đĩa	4.800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương		
43	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Meropenem, nồng độ: 10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Meropenem, nồng độ: 10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	9.000
44	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Metronidazole, nồng độ: 5µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Metronidazole, nồng độ: 5µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	3.000
45	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Minocycline, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Minocycline, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	3.000
46	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Novobiocin, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Novobiocin, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	500
47	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Oxacillin, nồng độ: 1µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Oxacillin, nồng độ: 1µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	1.500
48	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Penicillin G, nồng độ: 10 units	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Penicillin G, nồng độ: 10 units, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	3.000
49	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Piperacillin/tazobactam, nồng độ: 100/10µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Piperacillin/tazobactam, nồng độ: 100/10µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	12.000
50	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Sulfamethoxazole/trimethoprim, nồng độ: 23.75/1.25µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Sulfamethoxazole/trimethoprim, nồng độ: 23.75/1.25µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	10.000
51	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Tetracycline, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Tetracycline, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	500
52	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Tigecycline, nồng độ: 15µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Tigecycline, nồng độ: 15µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	750
53	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Vancomycin, nồng độ: 30µg	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Vancomycin, nồng độ: 30µg, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	3.000
54	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Optochin	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Optochin, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	1.500
55	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, kháng sinh: Oxidase	Đĩa giấy tẩm kháng sinh, xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn, kháng sinh: Oxidase, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Đĩa	1.200
56	E-Test, kháng sinh: Amoxicillin, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Amoxicillin, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
57	E-Test, kháng sinh: Amoxicillin/Axit Clavulanic 2/1, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Amoxicillin/Axit Clavulanic 2/1, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
58	E-Test, kháng sinh: Anidulafugin, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Anidulafugin, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
59	E-Test, kháng sinh: Caspofungin, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Caspofungin, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
60	E-Test, kháng sinh: Ceftolozane/Tazobactam, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Ceftolozane/Tazobactam, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
61	E-Test, kháng sinh: Ceftriaxone, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Ceftriaxone, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
62	E-Test, Kháng sinh: Clarithromycin, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, Kháng sinh: Clarithromycin, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
63	E-Test, kháng sinh: Clindamycin, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Clindamycin, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
64	E-Test, kháng sinh: Fluconazole, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Fluconazole, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
65	E-Test, kháng sinh: Itraconazole, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Itraconazole, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
66	E-Test, kháng sinh: Levofloxacin, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Levofloxacin, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
67	E-Test, kháng sinh: Meropenem, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Meropenem, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
68	E-Test, kháng sinh: Metronidazole, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Metronidazole, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
69	E-Test, kháng sinh: Micafungin, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Micafungin, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
70	E-Test, kháng sinh: Penicillin G, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Penicillin G, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
71	E-Test, kháng sinh: Tetracycline, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Tetracycline, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
72	E-Test, kháng sinh: Vancomycin, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Vancomycin, nồng độ: 0,016 - 256 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
73	E-Test, kháng sinh: Voriconazole, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL)	E-Test, thanh plastic mỏng hoặc thanh giấy tẩm kháng sinh, xác định nồng độ tối thiểu MIC, kháng sinh: Voriconazole, nồng độ: 0,002 - 32 (µg/mL), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
74	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Entamoeba histolytica, loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, Ký sinh trùng: Entamoeba histolytica, Loại kháng thể: IgG Loại mẫu: Huyết thanh Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 90%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	2.400
75	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Entamoeba histolytica, loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Entamoeba histolytica, loại kháng thể: IgM. Loại mẫu: Huyết thanh Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	1.440
76	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Angiostrongylus (Giun tròn), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa. ký sinh trùng: Angiostrongylus (Giun tròn). loại kháng thể: IgG. Loại mẫu: Huyết thanh. Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
77	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Angiostrongylus (Giun tròn), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Angiostrongylus (Giun tròn), loại kháng thể: IgM, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
78	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, Ký sinh trùng: Clonorchis sinensis (Sán lá gan nhỏ), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa Ký sinh trùng: Clonorchis sinensis (Sán lá gan nhỏ), loại kháng thể: IgG Loại mẫu: Huyết thanh Thể tích huyết thanh: < 10 microlit	Test	960

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn. Thành phần tối thiểu gồm: giềng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 90% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương		
79	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, Ký sinh trùng: Clonorchis sinensis (Sán lá gan nhỏ), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa Ký sinh trùng: Clonorchis sinensis (Sán lá gan nhỏ), loại kháng thể: IgM. Loại mẫu: Huyết thanh Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giềng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	960
80	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Cysticercosis (Ấu trùng sán dải heo), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Cysticercosis (Ấu trùng sán dải heo), loại kháng thể: IgG, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giềng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 85%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	4.032
81	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Cysticercosis (Ấu trùng sán dải heo), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa. ký sinh trùng: Cysticercosis (Ấu trùng sán dải heo), loại kháng thể: IgM. Loại mẫu: Huyết thanh. Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giềng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	480
82	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Echinococcus (Sán dây chó), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Echinococcus (Sán dây chó), loại kháng thể: IgG, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giềng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 90% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	480
83	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Echinococcus (Sán dây chó), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Echinococcus (Sán dây chó). loại kháng thể: IgM. Loại mẫu: Huyết thanh. Thể tích huyết thanh: < 10 microlit	Test	480

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn. Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương		
84	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Fasciola (Sán lá gan), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Fasciola (Sán lá gan), Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	3.840
85	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Fasciola (Sán lá gan), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa. ký sinh trùng: Fasciola (Sán lá gan) loại kháng thể: IgM. Loại mẫu: Huyết thanh. Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	1.440
86	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Gnathostoma (Giun đầu gai), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Gnathostoma (Giun đầu gai). loại kháng thể: IgG. Loại mẫu: Huyết thanh. Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 90%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	2.688
87	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Gnathostoma (Giun đầu gai), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Gnathostoma (Giun đầu gai), loại kháng thể: IgM, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
88	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Paragonimus (Sán lá phổi), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa. ký sinh trùng: Paragonimus (Sán lá phổi) loại kháng thể: IgG. Loại mẫu: Huyết thanh Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn,	Test	288

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 90%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương		
89	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Paragonimus (Sán lá phổi), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Paragonimus (Sán lá phổi), loại kháng thể: IgM, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
90	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Schistosoma (Sán máng), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa ký sinh trùng: Schistosoma (Sán máng). loại kháng thể: IgG. Loại mẫu: Huyết thanh Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 80% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
91	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Schistosoma (Sán máng), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa ký sinh trùng: Schistosoma (Sán máng) loại kháng thể: IgM Loại mẫu: Huyết thanh Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
92	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Strongyloides (Giun lươn), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Strongyloides (Giun lươn), loại kháng thể: IgG, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	5.376
93	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Strongyloides (Giun lươn), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa ký sinh trùng: Strongyloides (Giun lươn) loại kháng thể: IgM. Loại mẫu: Huyết thanh. Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng	Test	4.320

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dùng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương		
94	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Toxocara (Giun đũa chó-mèo), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Toxocara (Giun đũa chó-mèo), loại kháng thể: IgG, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dùng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 85%, Độ đặc hiệu > 90% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	27.264
95	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Toxocara (Giun đũa chó-mèo), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Toxocara (Giun đũa chó-mèo), loại kháng thể: IgM, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dùng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	12.480
96	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Trichinella (Giun xoắn), loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Trichinella (Giun xoắn), loại kháng thể: IgG, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dùng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
97	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng - hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Trichinella (Giun xoắn), loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng ký sinh trùng bằng phương pháp Elisa, ký sinh trùng: Trichinella (Giun xoắn), loại kháng thể: IgM, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 10 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dùng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
98	Test nhanh phát hiện vi nấm Aspergillus	Bộ xét nghiệm sắc ký miễn dịch dùng để phát hiện định tính Aspergillus Galactomannan Bệnh phẩm: máu, dịch rửa phế quản (BAL) Thành phần: Gồm thanh thử/que giấy thực hiện thử nghiệm, dung dịch đệm, dung dịch chứng Thời gian đọc kết quả: < 60 phút Có thể sử dụng trên máy đọc tự động Độ nhạy: > 95% Độ đặc hiệu: > 95%	Test	200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
99	Đĩa nhựa dùng để pha loãng huyết thanh/hóa chất trong xét nghiệm Elisa	Đĩa nhựa dùng để pha loãng huyết thanh/hóa chất trong xét nghiệm Elisa, Chất liệu: Nhựa, trong suốt, Số lượng vị trí: 96 giếng 1mL, đáy giếng hình nón (hoặc chữ V), Chiều dài giếng: 120 - 130mm, Chiều cao giếng: 25 - 30mm, Chiều rộng giếng: 80 - 90mm, Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Cái	400
100	Hóa chất tìm kháng nguyên vi nấm bằng phương pháp Elisa, Vi nấm: Aspergillus, Loại kháng nguyên: Galactomannan	Hóa chất tìm kháng nguyên vi nấm bằng phương pháp Elisa, Vi nấm: Aspergillus Loại kháng nguyên: Galactomannan Loại mẫu: Huyết thanh hoặc Huyết tương tối thiểu gồm: enzyme liên hợp, cơ chất, dung dịch dùng phản ứng, chứng âm, chứng dương. Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
101	Hóa chất xét nghiệm vi nấm - hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Aspergillus fumigatu, loại kháng thể: IgA	Hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Aspergillus fumigatu, loại kháng thể: IgA Loại mẫu: Huyết thanh Thể tích huyết thanh: < 50 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn. Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dùng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
102	Hóa chất xét nghiệm vi nấm - hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Aspergillus fumigatu, loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Aspergillus fumigatu, loại kháng thể: IgG, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 50 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dùng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
103	Hóa chất xét nghiệm vi nấm - hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Aspergillus fumigatu, loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Aspergillus fumigatu loại kháng thể: IgM. Loại mẫu: Huyết thanh. Thể tích huyết thanh: < 50 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn. Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dùng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 90% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
104	Hóa chất xét nghiệm vi nấm - hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Candida albicans, loại kháng thể: IgA	Hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Candida albicans, loại kháng thể: IgA, Loại mẫu: Huyết thanh, Thể tích huyết thanh: < 50 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dùng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ	Test	288

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		nhảy > 80%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương		
105	Hóa chất xét nghiệm vi nấm - hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Candida albicans, loại kháng thể: IgG	Hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Candida albicans, loại kháng thể: IgG, Loại mẫu: Huyết thanh, Thẻ tích huyết thanh: < 50 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 90%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
106	Hóa chất xét nghiệm vi nấm - hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Candida albicans, loại kháng thể: IgM	Hóa chất tìm kháng thể kháng nấm bằng phương pháp Elisa, vi nấm: Candida albicans, loại kháng thể: IgM, Loại mẫu: Huyết thanh, Thẻ tích huyết thanh: < 50 microlit Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn, Thành phần tối thiểu gồm: giếng phủ kháng nguyên, chứng âm, chứng dương, chất liên hợp, dung dịch dừng phản ứng, cơ chất, dung dịch rửa, dung dịch pha loãng Chỉ tiêu chất lượng: Độ nhạy > 95%, Độ đặc hiệu > 95% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	288
107	Chất bổ sung pha chế môi trường - chất dinh dưỡng bổ sung cho nuôi cấy vi khuẩn lao	Chất bổ sung pha chế môi trường - chất dinh dưỡng bổ sung cho nuôi cấy vi khuẩn lao, thành phần tối thiểu gồm: Bovine albumin, Catalase, Dextrose, Oleic Acid, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Bộ	1.800
108	Chất bổ sung pha chế môi trường - VTAP (Vancomycin, Trimothoprim, Amphotericin B, Polymicin B)	Chất bổ sung pha chế môi trường - VTAP (Vancomycin, Trimothoprim, Amphotericin B, Polymicin B), dùng pha chế môi trường nuôi cấy chọn lọc H. pylori. Thành phần tối thiểu gồm: Vancomycin, Trimothoprim, Amphotericin B, Polymicin B, Đóng gói: ≤10 ml/ống, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	mL	120
109	Chất bổ sung pha chế môi trường - VTCN (Vancomycin, Trimothoprim, Colistin, Nystastine)	Chất bổ sung pha chế môi trường - VTCN (Vancomycin, Trimothoprim, Colistin, Nystastine), dùng pha chế môi trường nuôi cấy chọn lọc H. pylori. Thành phần tối thiểu gồm: Vancomycin, Trimothoprim, Colistin, Nystastine, Đóng gói: ≤10 ml/ống, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	mL	120
110	Môi trường đổ sẵn - môi trường BA (Blood agar), Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường BA (Blood agar), dùng nuôi cấy phân lập vi khuẩn. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α, β, γ) của Streptococcus. Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Meat Extract/Peptone, Agar, máu cừ, sodium chloride Chủng vi khuẩn phát triển được: E.coli hoặc tương đương, Staphylococcus spp hoặc tương đương, Streptococcus spp hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	55.000
111	Môi trường đổ sẵn - môi trường BHI lỏng có bổ sung	Môi trường đổ sẵn - môi trường BHI lỏng có bổ sung Chloramphenicol, dùng phân lập chọn lọc vi khuẩn, vi nấm,	Ống	100

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	Chloramphenicol, Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng	Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: BHI, Chloramphenicol, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.		
112	Môi trường đồ sẵn - môi trường bột Mueller Hinton II Broth (Cation-Adjusted) được điều chỉnh cation cho các ion canxi và magiê, Đồ sẵn trong ống 10mL, sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường bột Mueller Hinton II Broth (Cation-Adjusted) được điều chỉnh cation cho các ion canxi và magiê, dùng kiểm tra độ nhạy định lượng của vi khuẩn hiếu khí gram âm và gram dương, Đồ sẵn trong ống chính xác 10mL, sẵn sàng sử dụng Thành phần tối thiểu gồm: Beef Atract, Các chất dinh dưỡng bổ sung cần thiết, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	8.000
113	Môi trường đồ sẵn - môi trường chuyên chở và bảo quản mẫu thử kỵ khí. (Thioglycolate), Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường chuyên chở và bảo quản mẫu vi khuẩn kỵ khí. (Thioglycolate), dùng chuyên chở và bảo quản mẫu thử dùng trong xét nghiệm nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí. Môi trường dạng lỏng, đồ sẵn trong type 3-5 ml, sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Dextrose, Yeast Extract, Sodium Thioglycolate, chỉ thị oxi hóa khử Chúng vi khuẩn phát triển được: Bacteroides spp/Clostridium spp hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	120
114	Môi trường đồ sẵn - môi trường chuyên chở và bảo quản mẫu thử, Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường chuyên chở và bảo quản mẫu thử, dùng chuyên chở và bảo quản mẫu thử dùng trong xét nghiệm vi sinh, Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Sodium Thiglycollate, Sodium Glycerophosphate , Calcium Chloride , Methylene Blue, Agar, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	4.500
115	Môi trường đồ sẵn - môi trường Macconkey (MC), Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường Macconkey (MC), dùng nuôi cấy chọn lọc phân biệt trực khuẩn Gram âm, dễ mọc, phân biệt tốt giữa vi khuẩn lên men lactose và không lên men lactose, Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Lactose, Bile salts, Neutral red, Crystal violet, agar, Chúng vi khuẩn phát triển được: E.coli hoặc tương đương Chúng vi khuẩn ức chế: Staphylococcus spp/Streptococcus spp hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	55.000
116	Môi trường đồ sẵn - môi trường nuôi cấy chọn lọc vi khuẩn H. pylori, Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường nuôi cấy chọn lọc vi khuẩn H. pylori, Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm : Columbia agar, máu cừu/máu ngựa Chúng vi khuẩn phát triển được: H.pylori Chúng vi khuẩn bị ức chế: E.coli hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	2.000
117	Môi trường đồ sẵn - môi trường nuôi cấy chuẩn bị sẵn Loweinstein Jensen, Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường nuôi cấy chuẩn bị sẵn Loweinstein Jensen, dùng nuôi cấy vi khuẩn lao, Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	1.800
118	Môi trường đồ sẵn - môi trường nuôi cấy và phân lập dành riêng cho bệnh phẩm nước tiểu, Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường nuôi cấy và phân lập dành riêng cho bệnh phẩm nước tiểu, dùng nuôi cấy dành cho nhóm vi khuẩn trên bệnh phẩm nước tiểu, có thể phân biệt dựa trên màu sắc của khuẩn vi khuẩn trên lứa cấy, Tối thiểu có thể phân biệt được các loài sau dựa trên màu sắc khuẩn khuẩn: Pseudomonas spp, Streptococcus spp, Enterococcus spp, Staphylococcus spp, Staphylococcus	Đĩa	18.000

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		saprophyticus, Eschirichia coli, Proteus spp Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Petone, chất tạo màu Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.		
119	Môi trường đổ sẵn - môi trường nuôi cấy vi khuẩn lao, Đổ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường nuôi cấy vi khuẩn lao, dùng nuôi cấy vi khuẩn lao, Đổ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: PZA và pyrazynamid, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ông	1.800
120	Môi trường đổ sẵn - môi trường Sabouraud có bổ sung Chloramphenicol, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường Sabouraud có bổ sung Chloramphenicol, dùng nuôi cấy phân lập vi nấm, đồng thời ức chế sự phát triển của vi khuẩn Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Dextrose, peptone, Agar, Chloramphenicol Chủng vi nấm phát triển được: Candida albican hoặc tương đương Chủng vi khuẩn bị ức chế: E.coli hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	6.500
121	Môi trường đổ sẵn - môi trường thạch máu kỵ khí, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường thạch máu kỵ khí, dùng nuôi cấy chọn lọc vi khuẩn kỵ khí. Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Pepton, Meat Extract/Yeast Extract, Glucose/Dextrose, Sodium Chloride, máu cừu Chủng vi khuẩn phát triển được: Clostridium spp/Bacteroides spp hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	300
122	Môi trường đổ sẵn - môi trường thạch nâu (Chocolate Agar), Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường thạch nâu (Chocolate Agar), dùng nuôi cấy phân lập nhóm vi khuẩn khó mọc như Neisseria và Haemophilus Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Meat extract/Yeast extract, Tinh bột ngô, Sodium Chloride, Máu cừu, hemin (yếu tố X), NAD (yếu tố V) Chủng vi khuẩn phát triển được: Nesseria spp, Haemophilus influenzae Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	14.500
123	Môi trường đổ sẵn - môi trường chỉ thị sự phát triển vi khuẩn lao, Đổ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường chỉ thị sự phát triển vi khuẩn lao, dùng chỉ thị sự phát triển vi khuẩn lao, Đổ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: môi trường broth base, có chứa chất chỉ thị và canh trường, 8- 10% CO2, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ông	1.800
124	Môi trường đổ sẵn - môi trường HTM (Haemophilus Test Medium), Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường HTM (Haemophilus Test Medium), thực hiện kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán trên thạch, dành cho vi khuẩn Haemophilus influenza, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần gồm: MHA, Yeast Extract, chất chọn lọc cần thiết, các chất dinh dưỡng bổ sung khác nếu có, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	200
125	Môi trường đổ sẵn - môi trường MHA (Mueller Hinton Agar), Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường MHA (Mueller Hinton Agar), dùng thực hiện kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán trên thạch, dành cho nhóm vi khuẩn dễ mọc, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Meat Extract, Tinh bột ngô, Sodium Chloride Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	55.000

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
126	Môi trường đổ sẵn - môi trường Mueller Hinton agar + glucose + methylene blue, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn môi trường Mueller Hinton agar + glucose + methylene blue, dùng thực hiện kháng nấm đồ bằng phương pháp đĩa giấy. Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Mueller Hinton agar, glucose 2%, methylene blue, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	2.000
127	Môi trường đổ sẵn - môi trường Mueller Hinton Agar có bổ sung máu cừu, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường Mueller Hinton Agar có bổ sung máu cừu, dùng thực hiện kháng sinh đồ dành cho nhóm vi khuẩn khó mọc như Streptococcus, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Peptone (Acid Digest of Casein), Meat Extract, Tinh bột ngô, Sodium Chloride, máu cừu Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	16.500
128	Môi trường đổ sẵn - môi trường NA (Nutrien agar), Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường NA (Nutrien agar), dùng nuôi cấy không chọn lọc, phân lập vi khuẩn dễ mọc. Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Meat Extract , Agar, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	100
129	Môi trường đổ sẵn - môi trường nuôi cấy và phân lập vi nấm Candida, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường nuôi cấy và phân lập vi nấm Candida, dùng nuôi cấy chọn lọc, phân lập và định danh vi nấm Candida dựa vào màu sắc khuẩn Tối thiểu có thể phân biệt được các loài sau dựa trên màu sắc khuẩn: Candida albicans, Candida tropicalis, Candida krusei Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Agar, Peptone, Chloramphenicol và các chất sinh sắc tố, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	1.220
130	Môi trường đổ sẵn - môi trường phát hiện, sàng lọc vi khuẩn đường ruột sinh Carbapenemase, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường phát hiện, sàng lọc vi khuẩn đường ruột sinh Carbapenemase, dùng nuôi cấy, phát hiện, sàng lọc vi khuẩn đường ruột sinh Carbapenemase, có thể phân biệt dựa trên màu sắc của khuẩn trong lửa cấy, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Muối, Agar, chất sinh màu, yếu tố chọn lọc sinh trưởng Chúng vi khuẩn phát triển được: E.coli sinh carbapenemase hoặc tương đương Chúng vi khuẩn bị ức chế: E.coli không sinh carbapenemase hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	2.000
131	Môi trường đổ sẵn - môi trường PZA chỉ thị sự phát triển vi khuẩn lao, Đổ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường PZA chỉ thị sự phát triển vi khuẩn lao, dùng chỉ thị sự phát triển vi khuẩn lao, Đổ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: môi trường PZA broth, có chứa chất chỉ thị và canh trường PZA, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ông	1.800
132	Môi trường đổ sẵn - môi trường SS nuôi cấy chọn lọc phân biệt Salmonella, Shigella, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đổ sẵn - môi trường SS nuôi cấy chọn lọc phân biệt Salmonella, Shigella, dùng nuôi cấy chọn lọc phân biệt Salmonella, Shigella, Đổ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Beef extract, Ammonium ferric citrate, Bile salts, Sodium citrate, Neutral red, agar, Chúng vi khuẩn phát triển được: Salmonella spp, Shigella spp Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	100
133	Môi trường đổ sẵn - môi trường tăng sinh chọn lọc vi khuẩn Streptococcus nhóm B, Đổ sẵn	Môi trường đổ sẵn - môi trường tăng sinh chọn lọc vi khuẩn Streptococcus nhóm B, dùng nuôi cấy, sinh màu phân biệt Streptococcus nhóm B (Streptococcus agalactiae) và các loại	Đĩa	2.400

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	vi khuẩn khác, Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Yeast Extract, Muối, Agar, chất sinh màu, yếu tố chọn lọc sinh trưởng Chủng vi khuẩn phát triển được: Streptococcus agalactiae Chủng vi khuẩn ức chế: E.coli hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.		
134	Môi trường đồ sẵn - môi trường tăng sinh chọn lọc vi khuẩn tả (Vibrio), Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường tăng sinh chọn lọc vi khuẩn tả (Vibrio), Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Peptone, muối, Yeast Extract, pH: 8.5-9, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ông	120
135	Môi trường đồ sẵn - Môi trường thực hiện kháng sinh đồ dành riêng cho Neisseria gonorrhoeae, Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - Môi trường thực hiện kháng sinh đồ dành riêng cho Neisseria gonorrhoeae, dùng thực hiện kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán trên thạch, dành riêng cho Neisseria gonorrhoeae, Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Tinh bột ngô, Sodium Chloride, Máu cừu, hemin (yếu tố X), NAD (yếu tố V) Chủng vi khuẩn phát triển được: Neisseria gonorrhoeae Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	200
136	Môi trường đồ sẵn - môi trường thực hiện kháng sinh đồ dành riêng cho vi khuẩn Helicobacter Pylori, Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường thực hiện kháng sinh đồ dành riêng cho vi khuẩn Helicobacter Pylori, thực hiện kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán trên thạch, dành riêng cho vi khuẩn Helicobacter Pylori, Đồ sẵn trên đĩa petri 90mm (+/- 5mm), sẵn sàng sử dụng, Thành phần gồm: MHA, Yeast Extract, chất chọn lọc cần thiết, các chất dinh dưỡng bổ sung khác nếu có, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Đĩa	200
137	Môi trường đồ sẵn - môi trường vận chuyển Streptococcus nhóm B, Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường vận chuyển và bảo quản Streptococcus nhóm B, dùng vận chuyển và bảo quản Streptococcus nhóm B, Mẫu bệnh phẩm: Dịch âm đạo Thời gian bảo quản mẫu: > 10 giờ Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng Chủng vi khuẩn phát triển được: Streptococcus agalactiae Chủng vi khuẩn ức chế: E.coli hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ông	2.000
138	Môi trường đồ sẵn - môi trường vận chuyển và bảo quản mẫu thử dùng trong xét nghiệm nuôi cấy H. pylori, Đồ sẵn trong type, sẵn sàng sử dụng	Môi trường đồ sẵn - môi trường vận chuyển và bảo quản mẫu thử dùng trong xét nghiệm nuôi cấy H. pylori, dùng vận chuyển và bảo quản mẫu thử sinh thiết dùng trong xét nghiệm nuôi cấy H. pylori từ các khoa lâm sàng về phòng xét nghiệm, Đồ sẵn trong type/ống 1-3 ml, sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Tinh bột bắp, Sodium chloride Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Ông	1.000
139	Môi trường pha chế - môi trường Brilliant Green Bile Lactose (BGBL), Dạng bột đồng nhất	Môi trường pha chế - môi trường Brilliant Green Bile Lactose (BGBL), dùng phát hiện sự hiện diện của vi khuẩn coliform trong nước sinh hoạt, Dạng bột đồng nhất, thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Lactose, Bile, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gram	6.000
140	Môi trường pha chế - môi trường BHI (Brain Heart Infusion), Dạng bột đồng nhất	Môi trường pha chế - môi trường BHI (Brain Heart Infusion), dùng nuôi cấy, phân lập vi sinh vật hiếu khí và kỵ khí gồm nấm men và nấm mốc, Dạng bột đồng nhất, thành phần tối thiểu gồm: Dịch não tim ; Peptone ; Glucose ; NaCl,	Gram	4.500

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.		
141	Môi trường pha chế - môi trường bột Mueller Hinton II Broth (Cation-Adjusted) được điều chỉnh cation cho các ion canxi và magiê, Dạng bột đồng nhất	Môi trường pha chế - môi trường bột Mueller Hinton II Broth (Cation-Adjusted) được điều chỉnh cation cho các ion canxi và magiê, dùng kiểm tra độ nhạy định lượng của vi khuẩn hiếu khí gram âm và gram dương, Dạng bột đồng nhất, Thành phần tối thiểu gồm: Beef Atract, Các chất dinh dưỡng bổ sung cần thiết, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gram	5.000
142	Môi trường pha chế - môi trường lưu trữ, nuôi cấy và bảo quản chủng vi sinh vật, Dạng bột đồng nhất	Môi trường pha chế - môi trường lưu trữ, nuôi cấy và bảo quản chủng vi sinh vật, dùng lưu giữ các chủng vi khuẩn sau khi phân lập., Dạng bột đồng nhất, thành phần tối thiểu gồm: Skim milk (hoặc các thành phần tương đương), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gram	4.000
143	Môi trường pha chế - môi trường SIM Medium, dạng bột đồng nhất	Môi trường pha chế - môi trường SIM Medium, sử dụng để phân biệt các loài trực khuẩn đường ruột, trên cơ sở của sự sản xuất H ₂ S, sự hình thành indole và sự di động của vi khuẩn Dạng bột đồng nhất Thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Sodium Thiosulfate, Ammonium Sulfate, Agar Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gram	2.500
144	Môi trường pha chế - môi trường TRIPLE SUGAR IRON AGAR (TSI), dạng bột đồng nhất	Môi trường pha chế - môi trường TRIPLE SUGAR IRON AGAR (TSI), sử dụng để phân biệt các loài trực khuẩn đường ruột, trên cơ sở của sự sản xuất H ₂ S, sự hình thành indole và sự di động của vi khuẩn Dạng bột đồng nhất Thành phần tối thiểu gồm: Peptone, Sodium Thiosulfate, Ammonium Sulfate, Agar Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gram	2.500
145	Bộ kit xét nghiệm phát hiện và định lượng DNA của human Polymavirus BK (BKV) bằng phương pháp Realtime PCR	Bộ kit xét nghiệm phát hiện và định lượng DNA của human Polymavirus BK (BKV) bằng phương pháp Realtime PCR, sử dụng để khuếch đại axit nucleic cho xét nghiệm phát hiện và định lượng DNA của human Polymavirus BK (BKV) trong mẫu huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy ở người bằng phương pháp Realtime PCR, Hỗn hợp hóa chất hoàn chỉnh, sẵn sàng để sử dụng cho phản ứng Realtime PCR phát hiện và định lượng DNA của human Polymavirus BK (BKV), tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	2.000
146	Bộ kit xét nghiệm phát hiện và định lượng DNA của human Polymavirus BK (BKV) và human Polymavirus JC (JCV) bằng phương pháp Realtime PCR	Bộ kit xét nghiệm định lượng human Polymavirus BK (BKV) và human Polymavirus JC (JCV) bằng kỹ thuật Real-time PCR. Gen mục tiêu: T-antigen lớn Loại mẫu: máu toàn phần, dịch não tủy, nước tiểu Thành phần: Tối thiểu gồm: thuốc thử phát hiện JCV-BKV, mix, buffer, TaqF Polymerase, DNA-buffer, chứng nội, chứng âm, chứng dương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương Độ nhạy: < 600 copies/ml, độ đặc hiệu: > 95%	Test	2.000
147	Bộ kit xét nghiệm tách chiết DNA/RNA của vi khuẩn, virus	Bộ kit xét nghiệm tách chiết DNA/RNA của vi khuẩn, virus, Bộ kit xét nghiệm sử dụng trong quy trình thực hiện tách chiết và tinh sạch DNA/RNA virus., tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	4.000
148	Bộ mẫu chuẩn cho xét nghiệm xác định Polymavirus BK (BKV) bằng phương pháp Realtime PCR	Bộ mẫu chuẩn cho xét nghiệm xác định Polymavirus BK (BKV) bằng phương pháp Realtime PCR, Bộ chất chuẩn dùng để kiểm soát xét nghiệm định lượng human Polymavirus BK (BKV), bộ chất chuẩn cung cấp tối thiểu 4 nồng độ chuẩn khác nhau, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Bộ	8

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
149	Bộ kit xét nghiệm chẩn đoán vi khuẩn lao	Bộ kit xét nghiệm chẩn đoán vi khuẩn lao, thành phần tối thiểu gồm: Thuốc thử phát hiện vi khuẩn lao, đầu côn hút mẫu (Tip), Kỹ thuật: PCR, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Bộ	1.080
150	Bộ kit xét nghiệm vi khuẩn lao (Mycobacterium tuberculosis) gồm 4 kháng sinh Streptomycin + Isoniazid + Rifampin + Ethambutol.	Bộ kit xét nghiệm vi khuẩn lao (Mycobacterium tuberculosis) gồm 4 kháng sinh Streptomycin + Isoniazid + Rifampin + Ethambutol., Kỹ thuật: PCR khép kín, thành phần tối thiểu 4 loại kháng sinh: Streptomycin, Isoniazid, Rifampin, Ethambutol..., Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Bộ	1.000
151	Bộ ống chuẩn cho máy cấy lao	Bộ ống chuẩn cho máy cấy lao, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Bộ	51
152	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên, bệnh phẩm: đường hô hấp trên Tác nhân: có thể phát hiện đồng thời nhiều (>20) tác nhân gây bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên trong 1 lần xét nghiệm gồm các loại vi khuẩn và Virus thường gặp, Kỹ thuật: PCR khép kín, Có thể sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm PCR tự động Biofire Filmarray Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	90
153	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, bệnh phẩm: phân, Tác nhân: có thể phát hiện đồng thời nhiều (>20) tác nhân gây bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa thường gặp trong 1 lần xét nghiệm gồm Vi khuẩn, Virus, ký sinh trùng, Kỹ thuật: PCR khép kín, Có thể sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm PCR tự động Biofire Filmarray Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	12
154	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh nhiễm trùng máu	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh nhiễm trùng máu, bệnh phẩm: máu, Tác nhân: có thể phát hiện đồng thời nhiều (>30) tác nhân gây bệnh nhiễm trùng máu thường gặp trong 1 lần xét nghiệm gồm Vi khuẩn, nấm, và nhiều gen kháng thuốc, Kỹ thuật: PCR khép kín, Có thể sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm PCR tự động Biofire Filmarray Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	90
155	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh viêm phổi cộng đồng (đường hô hấp dưới)	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh viêm phổi cộng đồng (đường hô hấp dưới), bệnh phẩm: đường hô hấp dưới (dịch, dịch phế quản) Tác nhân: có thể phát hiện đồng thời nhiều (>25) tác nhân gây bệnh viêm phổi cộng đồng (đường hô hấp dưới) trong 1 lần xét nghiệm gồm các loại vi khuẩn, vi khuẩn không điển hình, virus thường gặp và các gen đề kháng kháng sinh, Kỹ thuật: PCR khép kín, Có thể sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm PCR tự động Biofire Filmarray Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	210
156	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh viêm não và viêm màng não	Bộ kit xét nghiệm nhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh viêm não và viêm màng não, bệnh phẩm: dịch não tủy, Tác nhân: có thể phát hiện đồng thời nhiều (>10) tác nhân gây	Test	12

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		bệnh viêm não và viêm màng não thường gặp trong 1 lần xét nghiệm gồm Vi khuẩn và virus, Kỹ thuật: PCR khép kín, Có thể sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm PCR tự động Biofire Filmarray Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương		
157	Hóa chất xét nghiệm sinh học phân tử phát hiện các đột biến gây kháng thuốc của carbapenemase	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các đột biến gây kháng thuốc: Enterobacteriaceae sản xuất carbapenemase (CPE): KPC, VIM, NDM, IMP, OXA-48 Loại mẫu bệnh phẩm: Mẫu phết trực tràng, Khuẩn lạc Thành phần: Tối thiểu gồm primer, enzyme, buffer, chứng dương, chứng nội Có thể sử dụng trên máy tự động hoàn toàn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	1.200
158	Ống PCR 0.1 mL	Strip PCR 8 ống 0.1mL cho phản ứng PCRNắp rờiChất liệu: Nhựa trong suốt, thích hợp cho phản ứng PCRCó thể sử dụng trên máy tự độngTiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Cái	1.200
159	Test kit thực hiện xét nghiệm PCR định lượng DNA của virus viêm gan B (HBV)	Test kit thực hiện xét nghiệm Real time-PCR định lượng DNA của virus viêm gan B (HBV), khép kín tự động hoàn toàn (gồm quá trình tinh chế mẫu, khuếch đại acid nucleic và phát hiện trình tự đích) Bệnh phẩm: Huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: tối thiểu gồm dung dịch ly giải, dung dịch làm sạch, thuốc thử liên kết, thuốc thử Proteinase-K, pipet dùng 1 lần, chứng nội định lượng ở 2 mức nồng độ Đóng gói từng kit. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương,	Test	5.000
160	Test kit thực hiện xét nghiệm PCR định lượng RNA của virus viêm gan C (HCV)	Test kit thực hiện xét nghiệm Real time-PCR để định lượng RNA của virus viêm gan C (HCV), khép kín tự động hoàn toàn (gồm quá trình tinh chế mẫu, khuếch đại acid nucleic và phát hiện trình tự đích) Bệnh phẩm: Huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: tối thiểu gồm dung dịch ly giải, dung dịch làm sạch, thuốc thử liên kết, thuốc thử Proteinase-K, pipet dùng 1 lần, chứng nội định lượng ở 2 mức nồng độ Đóng gói từng kit. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương,	Test	5.000
161	Test kit thực hiện xét nghiệm PCR phát hiện Mycobacterium tuberculosis	Test kit thực hiện xét nghiệm PCR phát hiện Mycobacterium tuberculosis, khép kín tự động hoàn toàn phát hiện vi khuẩn Mycobacterium tuberculosis và tính kháng Rifampicin trên đoạn gen khuếch đại rpoB, Đóng gói từng kit. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương, độ nhạy: > 89% (đối với bệnh phẩm đàm), độ đặc hiệu > 95% (đối với bệnh phẩm đàm) Có thể sử dụng trên hệ thống thiết bị GeneXpert của Cepheid	Test	4.000
162	Canh thang dùng cho thử nghiệm kháng nấm đồ bằng phương pháp vi pha loãng	Canh trường pha loãng huyền dịch làm kháng nấm đồ, sử dụng cho máy tự động hoàn toànTiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	mL	13.200
163	Canh trường pha loãng huyền dịch định danh vi khuẩn	Canh trường pha loãng huyền dịch định danh vi khuẩn, canh trường để pha loãng huyền dịch đạt độ đục chuẩn trong quá trình định danh vi khuẩn, sử dụng cho máy tự động hoàn toàn Thành phần: tối thiểu gồm muối	mL	97.000

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.		
164	Canh trường pha loãng huyền dịch làm kháng sinh đồ	Canh trường pha loãng huyền dịch vi khuẩn làm kháng sinh đồ cho nhóm vi khuẩn Gram âm, Gram dương, sử dụng cho máy tự động hoàn toàn Thành phần: tối thiểu gồm Mueller Hinton Broth Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	mL	300.000
165	Canh trường pha loãng huyền dịch làm kháng sinh đồ vi khuẩn cho nhóm liên cầu khuẩn	Canh trường pha loãng huyền dịch vi khuẩn làm kháng sinh đồ vi khuẩn cho nhóm liên cầu khuẩn, sử dụng cho máy tự động hoàn toàn Thành phần: tối thiểu gồm: Peptones Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	mL	15.200
166	Chất chỉ thị làm kháng sinh đồ nhóm liên cầu khuẩn	Chất chỉ thị làm kháng sinh đồ nhóm liên cầu khuẩn, dùng để thêm vào thẻ kháng sinh đồ nhóm liên cầu. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	mL	170
167	Chất chỉ thị làm kháng sinh đồ vi khuẩn	Chất chỉ thị làm kháng sinh đồ vi khuẩn, dùng để thêm vào thẻ kháng sinh đồ, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	mL	2.280
168	Nước khử khoáng vô trùng	Nước khử khoáng vô trùng Đóng gói: < 6mL/ống	mL	6.000
169	Nước muối sinh lý pha huyền dịch vi khuẩn	Nước muối sinh lý pha huyền dịch vi khuẩn, chứa trong túi hoặc chai nhựa, Vô khuẩn, Thành phần: Sodium Chloride 0.4% - 0.5%, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	mL	80.000
170	Ống nhựa để pha loãng huyền dịch vi khuẩn	Ống nhựa để pha loãng huyền dịch vi khuẩn, trong suốt, không có nắp, đáy tròn, kích thước (11-12 x 75-77mm). Chất liệu: Nhựa Thể tích: 4 - 6 mL Không tiết trùng	Cái	24.000
171	Thẻ định danh, nhóm trực khuẩn gram âm	Thẻ định danh, nhóm trực khuẩn gram âm, Loài định danh: có thể định danh được nhiều loại (>100 loài) trực khuẩn gram âm gây bệnh ở người thường gặp Chủng thực hiện QC: Tối thiểu gồm Escherichia coli ATCC 25922 Thành phần tối thiểu gồm: Thẻ chứa các loại hóa chất phản ứng cần thiết để định danh vi khuẩn gram âm, Có thể sử dụng trên hệ thống tự động hoàn toàn, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Thẻ	16.000
172	Thẻ định danh, nhóm vi khuẩn gram dương	Thẻ định danh, nhóm vi khuẩn gram dương, Loài định danh: có thể định danh được nhiều loại (≥ 120 loài) vi khuẩn gram dương gây bệnh ở người thường gặp Chủng thực hiện QC: Tối thiểu gồm Staphylococcus aureus ATCC 29213 hoặc Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750 Thành phần tối thiểu gồm: Thẻ chứa các loại hóa chất phản ứng cần thiết để định danh vi khuẩn gram dương, Có thể sử dụng trên hệ thống tự động hoàn toàn, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Thẻ	8.000
173	Thẻ định danh, nhóm vi khuẩn khó nuôi cấy	Thẻ định danh, nhóm vi khuẩn khó nuôi cấy, có thể định danh được nhiều loại (≥ 25 loài) vi khuẩn khó nuôi cấy gây bệnh ở người thường gặp, tối thiểu gồm Neisseria gonorrhoeae, Neisseria meningitidis, Haemophilus influenzae, Haemophilus haemolyticus, Campylobacter coli, Moraxella spp	Thẻ	500

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		thành phần tối thiểu gồm: Thẻ chứa các loại hóa chất phản ứng cần thiết để định danh vi khuẩn gây bệnh khó nuôi cấy, Chủng thực hiện QC: Tối thiểu gồm <i>Haemophilus influenzae</i> ATCC 9007 Có thể sử dụng trên hệ thống tự động hoàn toàn, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.		
174	Thẻ định danh, nhóm vi khuẩn kỵ khí	Thẻ định danh, nhóm vi khuẩn kỵ khí, có thể định danh được nhiều loại (≥ 90 loài) vi khuẩn kỵ khí gây bệnh ở người thường gặp, tối thiểu gồm <i>Bacteroides fragilis</i> , <i>Prevotella intermedia</i> , <i>Clostridium perfringens</i> , <i>Clostridium septicum</i> , <i>Corynebacterium</i> spp, thành phần tối thiểu gồm: Thẻ chứa các loại hóa chất phản ứng cần thiết để định danh vi khuẩn kỵ khí, Chủng thực hiện QC: Tối thiểu gồm <i>Clostridium septicum</i> ATCC 12464 Có thể sử dụng trên hệ thống tự động hoàn toàn, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	Thẻ	500
175	Thẻ định danh, nhóm vi nấm	Thẻ định danh, nhóm vi nấm, có thể định danh được nhiều loại (≥ 50 loài) vi nấm gây bệnh ở người thường gặp thành phần tối thiểu gồm: Thẻ chứa các loại hóa chất phản ứng cần thiết để định danh vi nấm, Chủng thực hiện QC: Tối thiểu gồm <i>Candida albicans</i> ATCC 14053 hoặc <i>Candida albicans</i> ATCC 24433 Có thể sử dụng trên hệ thống tự động hoàn toàn, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Thẻ	1.200
176	Khay kháng sinh đồ nấm	Khay kháng nấm dùng thực hiện thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh bằng phương pháp vi pha loãng cho vi nấm Thành phần kháng nấm (dãi nồng độ - $\mu\text{g/ml}$): Miconazole (0.008-8); Caspofungin (0.008-8); 5-Flucytosine (0.06-64); Posaconazole (0.008-8); Voriconazole (0.008-8); Itraconazole (0.015-16); Fluconazole (0.12-256); Anidulafungin (0.015-8); Amphotericin B (0.12-8), kèm túi chứa chất hút ẩm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	Khay	1.200
177	Thẻ kháng nấm đồ, nhóm vi nấm	Thẻ kháng nấm đồ, nhóm vi nấm, xác định tính nhạy cảm/dễ kháng của nhóm vi nấm đối với các loại thuốc kháng nấm thông thường, tối thiểu gồm: Caspofungin, Fluconazole, Miconazole, Voriconazole Chủng thực hiện QC: tối thiểu gồm <i>Candida parapsilosis</i> ATCC 22019, <i>Candida krusei</i> ATCC 6258 thành phần tối thiểu gồm: Thẻ chứa các loại hoạt chất/thuốc kháng nấm, Có thể thực hiện trên máy tự động hoàn toàn, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Thẻ	1.500
178	Thẻ kháng sinh đồ, nhóm liên cầu	Thẻ kháng sinh đồ, nhóm liên cầu, xác định tính nhạy cảm/dễ kháng của nhóm liên cầu khuẩn đối với các loại kháng sinh thông thường, tối thiểu gồm Ampicillin, Cefotaxime, Ceftriaxone, Chloramphenicol, Clindamycin, Erythromycin, Levofloxacin, Linezolid, Tetracycline, Trimethoprim/Sulfamethoxazole thành phần tối thiểu gồm: Thẻ chứa các loại hoạt chất/kháng sinh sử dụng cho nhóm liên cầu, Chủng thực hiện QC: tối thiểu gồm <i>Streptococcus pneumoniae</i> ATCC 49619 Có thể thực hiện trên máy tự động hoàn toàn, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE	Thẻ	800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		hoặc tương đương		
179	Thẻ kháng sinh đồ, nhóm trực khuẩn gram âm	Thẻ kháng sinh đồ, nhóm trực khuẩn gram âm, xác định tính nhạy cảm/dễ kháng của nhóm trực khuẩn gram âm đối với các loại kháng sinh thông thường, tối thiểu gồm Amikacin, Ampicillin, Ampicillin-Sulbactam, Cefazidime-Avibactam, Cefepime, Cefoxitin, Cefazidime, Ciprofloxacin, Ertapenem, Gentamicin, Imipenem, Levofloxacin, Meropenem, Piperacillin/ Tazobactam, Trimethoprim/Sulfamethoxazole, đồng thời có thể phát hiện và phân loại các vi sinh vật sinh men carbapenemase, thành phần tối thiểu gồm: Thẻ chứa các loại hoạt chất/kháng sinh sử dụng cho nhóm vi khuẩn gram âm, Chứng thực hiện QC: tối thiểu gồm E. coli ATCC 25922, P. aeruginosa ATCC 27853 Có thể thực hiện trên máy tự động hoàn toàn, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Thẻ	13.000
180	Thẻ kháng sinh đồ, nhóm vi khuẩn gram dương	Thẻ kháng sinh đồ, nhóm vi khuẩn gram dương, xác định tính nhạy cảm/dễ kháng của nhóm vi khuẩn gram dương đối với các loại kháng sinh thông thường, tối thiểu gồm Ampicillin, Clindamycin, Doxycycline, Erythromycin, Linezolid, Oxacillin, Penicillin, Trimethoprim/Sulfamethoxazole, Vancomycin thành phần tối thiểu gồm: Thẻ chứa các loại hoạt chất/kháng sinh sử dụng cho nhóm vi khuẩn gram dương, Chứng thực hiện QC: tối thiểu gồm S. aureus ATCC 29213, E. faecalis ATCC 29212 Có thể thực hiện trên máy tự động hoàn toàn, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Thẻ	4.000
181	Bộ thuốc nhuộm huỳnh quang phát hiện trực khuẩn kháng acid (AFB), bộ thuốc nhuộm, sẵn sàng sử dụng	Bộ thuốc nhuộm huỳnh quang phát hiện trực khuẩn kháng acid (AFB), Bộ thuốc nhuộm, sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: dung dịch cố định, Auramin, dung dịch tẩy màu, Thiazine, Có thể sử dụng trên máy tự động hoàn toàn tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	5.000
182	Bộ thuốc nhuộm Zielnelson phát hiện trực khuẩn kháng Acid (AFB), bộ thuốc nhuộm, sẵn sàng sử dụng	Bộ thuốc nhuộm Zielnelson phát hiện trực khuẩn kháng Acid (AFB), dùng để phát hiện nhóm trực khuẩn kháng acid theo phương pháp nhuộm truyền thống Zielnelson (nhuộm lạnh), Bộ thuốc nhuộm, sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Dung dịch cố định, Fuchsin, dung dịch tẩy màu acid cồn, Methylene Có thể sử dụng trên máy tự động hoàn toàn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	23.000
183	Dung dịch Lactophenol cotton blue (LPCB), dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng	Dung dịch Lactophenol cotton blue (LPCB), sử dụng trong phương pháp nhuộm xanh vi nấm Dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: phenol, axit lactic và cotton blue, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	mL	1.000
184	Dung dịch mực tàu, dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng	Dung dịch mực tàu, sử dụng trong phương pháp nhuộm mực tàu tìm nấm, dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: mực tàu, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	mL	1.000
185	Thuốc cố định màu vi khuẩn khi nhuộm gram, dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng	Thuốc cố định màu vi khuẩn khi nhuộm gram, dùng để cố định màu vi khuẩn bằng cách tạo phức hợp với tím tinh thể trong kỹ thuật nhuộm Gram vi khuẩn,	mL	17.000

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: iốt (Lugol), Nước đã qua xử lý Có thể sử dụng trên máy tự động hoàn toàn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương		
186	Thuốc nhuộm gram vi khuẩn màu đỏ, dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng	Thuốc nhuộm gram vi khuẩn màu đỏ, dùng để nhuộm màu hồng/đỏ trong kỹ thuật nhuộm Gram vi khuẩn, phân biệt nhóm vi khuẩn Gram dương và Gram âm, Dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng, Thành phần tối thiểu gồm: Fuchsin , Cồn Có thể sử dụng trên máy tự động hoàn toàn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	mL	17.000
187	Thuốc nhuộm gram vi khuẩn màu tím, dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng	Thuốc nhuộm gram vi khuẩn màu tím, dùng để nhuộm màu tím/xanh trong kỹ thuật nhuộm Gram vi khuẩn, phân biệt nhóm vi khuẩn Gram dương và Gram âm. Dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: tinh thể tím, cồn, Nước đã qua xử lý Có thể sử dụng trên máy tự động hoàn toàn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	mL	17.000
188	Đĩa petri nhựa, tiệt trùng	Đĩa petri nhựa, tiệt trùng, Kích thước: 90*15mm (+/- 5mm), dùng để pha chế môi trường nuôi cấy, kháng sinh đồ vi khuẩn, Tiệt khuẩn, chất liệu: Nhựa	Cái	85.000
189	Pipet Pastuer	Pipet Pastuer, dùng để hút hóa chất, mẫu bệnh phẩm, một đầu hút, một đầu bầu, thân có chia vạch, tiệt trùng Chất liệu: nhựa trong suốt Dung tích: 3-5 mL Đóng gói: Tiệt trùng, đóng gói từng cái Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Cái	3.000
190	Que cấy, một đầu thẳng và 1 đầu vòng cấy tròn 10µL	Que cấy, một đầu thẳng và 1 đầu vòng cấy tròn 10µL, dùng để lấy mẫu bệnh phẩm, khúm khuẩn, cấy phân lập trong kỹ thuật nuôi cấy định danh vi khuẩn, tiệt khuẩn, chất liệu: Nhựa, thể tích vòng cấy: 10µL	Cái	7.200
191	Que cấy, một đầu thẳng và 1 đầu vòng cấy tròn 1µL	Que cấy, một đầu thẳng và 1 đầu vòng cấy tròn 1µL, dùng để lấy mẫu bệnh phẩm, khúm khuẩn, cấy phân lập trong kỹ thuật nuôi cấy định danh vi khuẩn, tiệt khuẩn, chất liệu: Nhựa, Thể tích vòng cấy: chính xác 1µL	Cái	7.200
192	Túi ủ tạo khí trường dành cho nhóm vi khuẩn kỵ khí, gồm: Túi ủ tạo khí trường	Túi ủ tạo khí trường dành cho nhóm vi khuẩn kỵ khí, sử dụng cho bình kín 2.5 - 3.5L, dùng tạo khí trường phù hợp cho nuôi cấy nhóm vi khuẩn kỵ khí, gồm: Túi ủ tạo khí trường, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Cái	1.000
193	Túi ủ tạo khí trường dành cho nhóm vi khuẩn kỵ khí, Gồm: Túi ủ tạo khí trường, kèm theo túi ủ (túi zip) có thể đóng kín và chất chỉ thị kỵ khí	Túi ủ tạo khí trường dành cho nhóm vi khuẩn kỵ khí, sử dụng cho túi ủ (túi zip) chuyên dụng kèm theo, dùng tạo khí trường phù hợp cho nuôi cấy nhóm vi khuẩn kỵ khí, Gồm: Túi ủ tạo khí trường, kèm theo túi ủ (túi zip) chuyên dụng có thể đóng kín và chất chỉ thị kỵ khí, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Cái	800
194	Túi ủ tạo khí trường dành cho nhóm vi khuẩn vi hiếu khí, gồm: Túi ủ tạo khí trường	Túi ủ tạo khí trường dành cho nhóm vi khuẩn vi hiếu khí, sử dụng cho bình kín 2.5 - 3.5L, dùng tạo khí trường phù hợp cho nuôi cấy nhóm vi khuẩn vi hiếu khí như H.pylori, gồm: Túi ủ tạo khí trường, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Cái	1.000
195	Túi ủ tạo khí trường dành cho nhóm vi khuẩn vi hiếu khí,	Túi ủ tạo khí trường dành cho nhóm vi khuẩn vi hiếu khí, sử dụng cho túi ủ (túi zip) kèm theo, dùng tạo khí trường phù	Cái	800

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	Gồm: Túi ủ tạo khí trường, kèm theo túi ủ (túi zip) có thể đóng kín	hộp cho nuôi cấy nhóm vi khuẩn vi hiếu khí như H.pylori, Gồm: Túi ủ tạo khí trường, kèm theo túi ủ (túi zip) có thể đóng kín, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương		
196	Vòng cấy bằng kim loại 10μL, không cán.	Vòng cấy bằng kim loại 10μL, không cán., dùng để Gắn vào cán cấy, Chất liệu: Platinum hoặc niken-crom, thể tích vòng cấy: 10μL	Cái	103
197	Vòng cấy bằng kim loại 1μL, không cán.	Vòng cấy bằng kim loại 1μL, không cán., dùng để Gắn vào cán cấy, Chất liệu: Platinum hoặc niken-crom, Thể tích vòng cấy: chính xác 1μL	Cái	100

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-.... của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá	Ghi chú ⁽¹⁾

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực⁽²⁾ ngày kể từ ngày báo giá.

¹ : Bảng biểu này chỉ có tính chất tham khảo, tùy từng loại hàng hóa cụ thể mà đơn vị có điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế. Đơn vị thực hiện lưu ý thống nhất nội dung của bảng này và bảng tại “Mẫu nhập liệu” khi áp dụng cho từng loại hàng hóa cụ thể.

²: khuyến cáo tối thiểu 06 tháng kể từ ngày chào giá.



BM: CVĐT.03(1)



- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)